TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 8 - 2026
V/v: "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Xuân Phi và bà Hứa Thị Mây Sum.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Nguyễn Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên toà: ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 về *"Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị M. - sinh năm 1985 (yêu cầu vắng mặt);
Địa chỉ: thôn Phú Quý 1, xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: anh Trần Văn H. - sinh năm 1991 (vắng mặt);
Địa chỉ: thôn A, xã B, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M. trình bày:

Chị và anh Trần Văn H. sống chung đời sống vợ chồng từ năm 2006, tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2026 tại UBND thị trấn Phước Dân. Chị và anh H. có 02 con chung tên là Trần Thị Diễm K., sinh ngày 12/4/2006 và Trần Văn P., sinh ngày 14/8/2009. Quá trình sống chung không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn: Bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tình cảm vợ chồng. Chị và anh H. không còn sống chung từ năm 2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn anh Trần Văn H.. Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn P., sinh ngày 14/8/2009, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Diễm đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Do bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng trong vụ án này.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn H. đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M. khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Trần Văn H.; yêu cầu được trực tiếp nuôi con, đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con chung"* quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Trần Văn H. cư trú tại thôn Phú Quý 1, xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị M. có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh H. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị M. và anh H..

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Căn cứ Trích lục kết hôn số 756/2026/TLKH-BS ngày 13/3/2026 của UBND thị trấn Phước Dân (BL 01), thể hiện: chị M. và anh H. có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2006 tại UBND thị trấn Phước Dân (nay là xã Ninh Phước). Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M. và anh H. là hợp pháp, thời điểm kết hôn vào ngày 17/4/2006, có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3.2]. Quá trình chung sống vợ chồng: Căn cứ lời khai của chị M. và Biên bản xác minh ngày 19/6/2026 (BL 17), đủ cơ sở xác định: Vợ chồng chị M. và anh H. đã không còn chung sống với nhau từ năm 2024 đến nay và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ đó đến nay. anh H. đã bỏ đi khỏi địa phương, thỉnh thoảng có về địa phương nhưng không rõ thời điểm trở về. Quá trình giải quyết vụ án, chị M. yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, anh H. cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M., điều này chứng tỏ các bên không có thiện chí hòa giải hàn gắn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M. và anh H. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M. yêu cầu ly hôn anh H. là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3]. Về con chung: chị M. yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là: Trần Văn P., sinh ngày 14/8/2009 và không yêu cầu anh H. cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trần Thị Diễm K., sinh ngày 12/4/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Phúc đang sống chung với chị M. và cháu có nguyện vọng sống với chị M.. anh H. cũng không có ý kiến đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị M. trong vụ án này. Do đó, việc chăm sóc, giáo dục con của chị M. sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường và nguyện vọng của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phúc cho chị M. trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị M. không yêu cầu anh H. cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị M. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Các điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M. được ly hôn anh Trần Văn H..

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M. trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Văn P., sinh ngày 14/8/2009. chị M. không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị M. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị M. đã nộp theo Biên lai thu số 0002111 ngày 25/3/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Khánh Hòa. chị M. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Ninh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Tâm